CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Phát triển Năng lượng Sơn Hà

Ngày 31/03/2025	9,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-3.2%	**-1.1%**	**-8.2%**

DT thuần
Q1/25
65.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▼5.00| -7.1%
YoY: ▲ 25.6| 64.2%

LN thuần
Q1/25
1.73
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.83| -68.9%
YoY: ▼1.48| -46.2%

LN sau thuế
Q1/25
2.34
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.89| -55.3%
YoY: ▼0.96| -29.1%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
6.1%
YoY: +/-▼ 4.7%

ROE (TTM)
Q1/25
8.9%
YoY: +/-▼ 0.8%

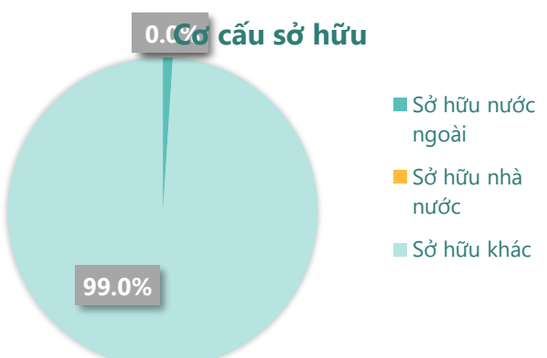
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	8,300 - 13,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	104
Số lượng CPLH (CP)	11,502,516
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,665
Sở hữu nước ngoài	1.0%
Beta	0.48
EPS	1,137
P/E	7.9

DT thuần
2024
196
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 11.0| 6.3%

LN thuần
2024
11.7
tỷ VNĐ
YoY: ▼7.20| -38.0%

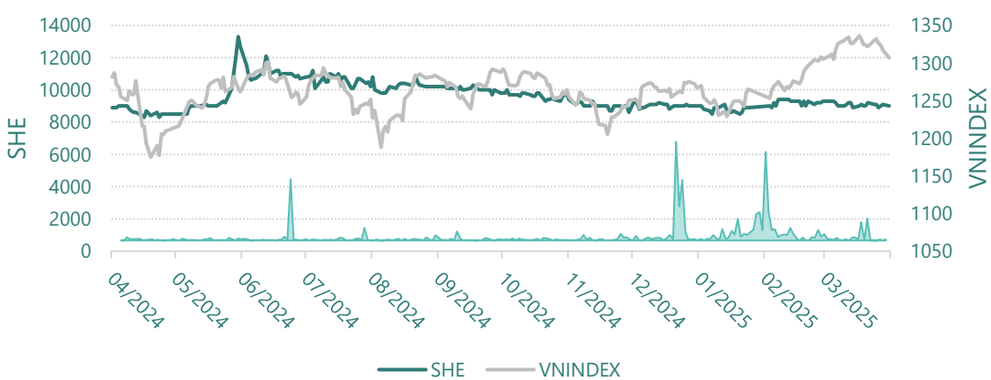
LN sau thuế
2024
12.2
tỷ VNĐ
YoY: ▼5.70| -31.5%

Cơ cấu sở hữu

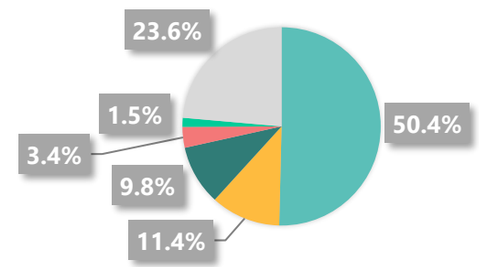


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

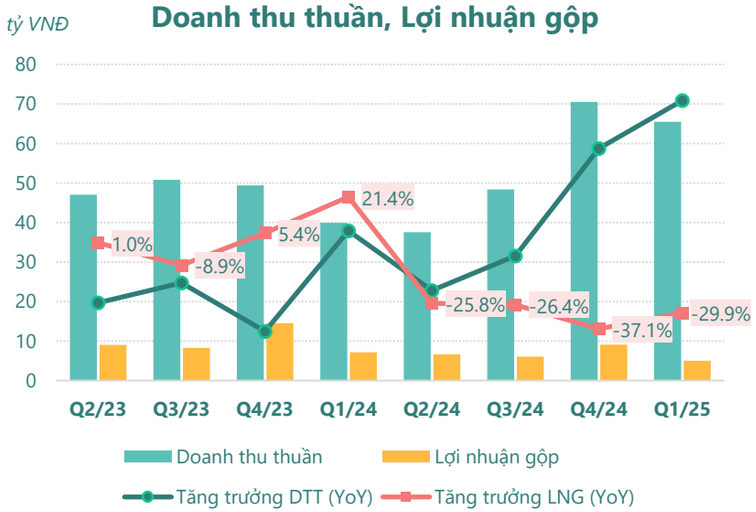


- CTCP Quốc tế Sơn Hà
- Hoàng Mạnh Tân (Phó Chủ tịch HĐQT)
- Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
- Đàm Quang Hùng
- Trần Anh Tuấn

(Nguồn: fireant.vn)

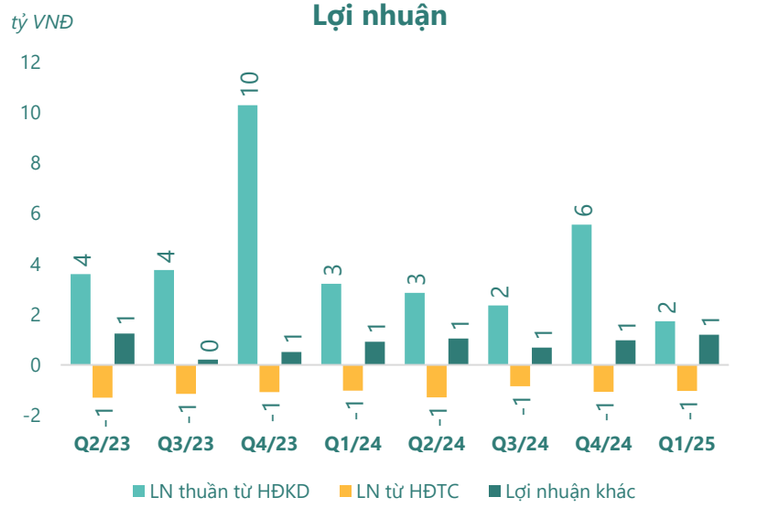
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



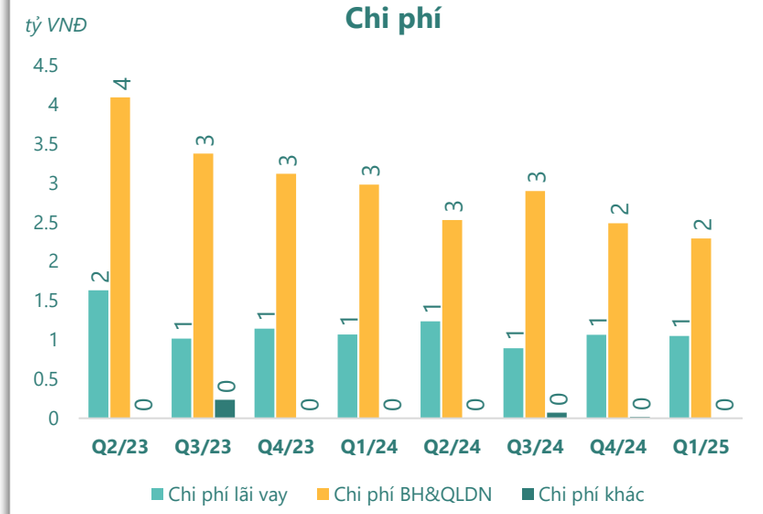
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



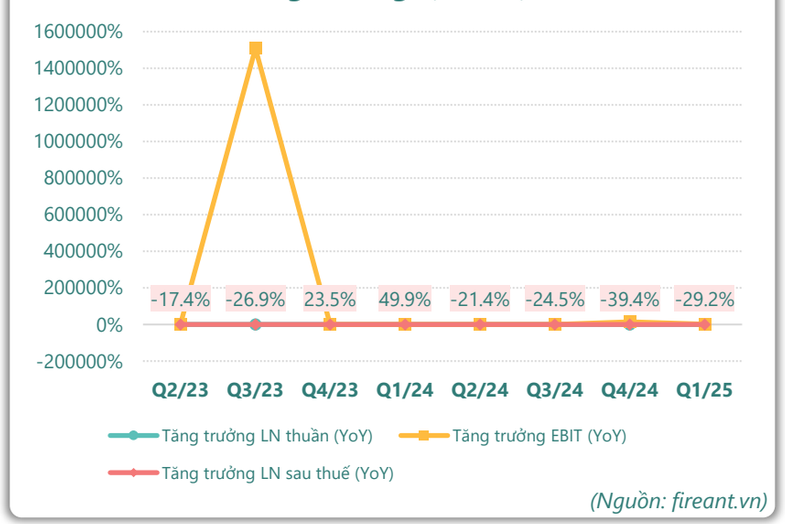
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



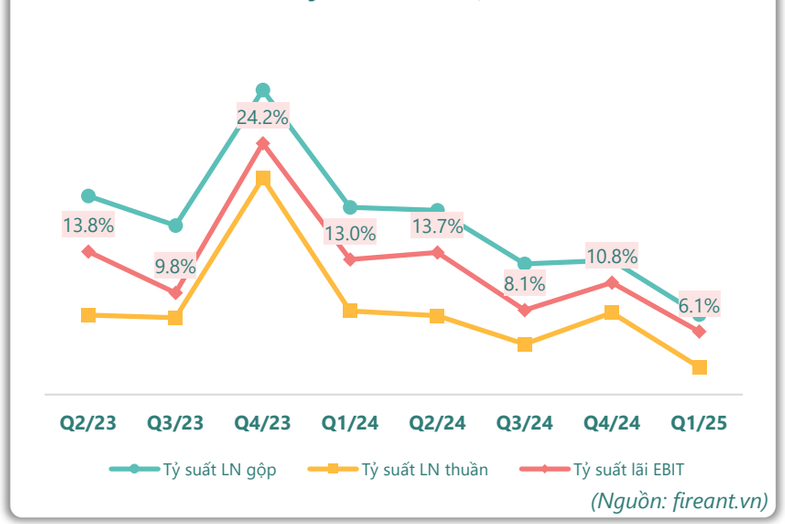
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



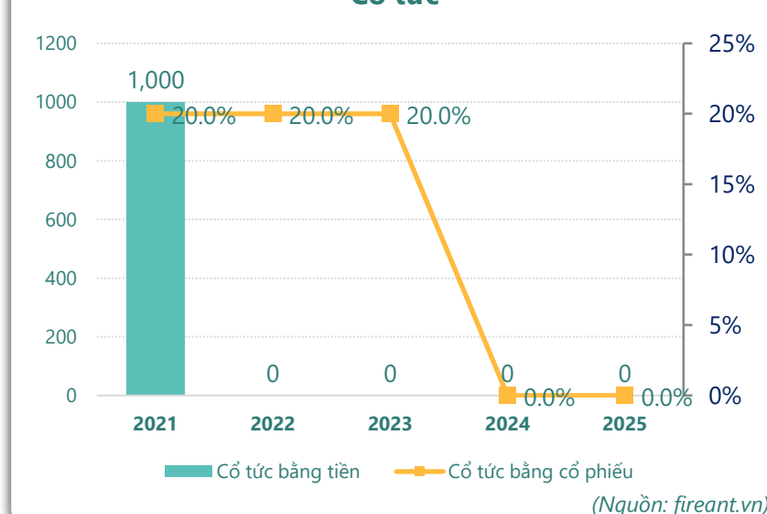
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

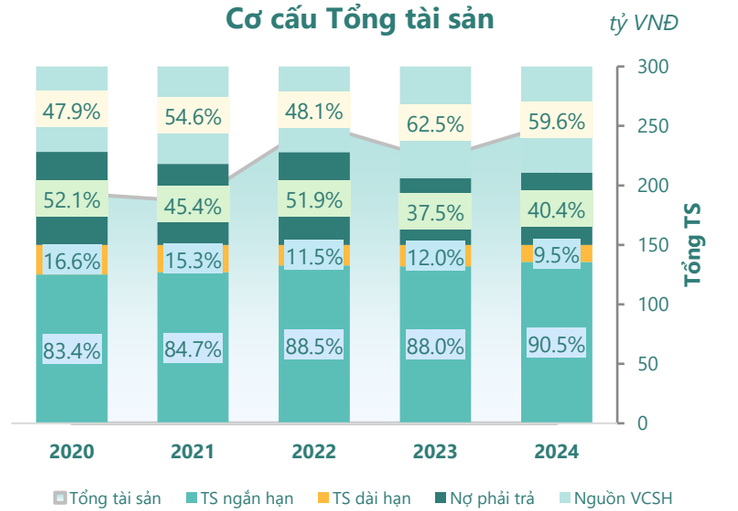
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

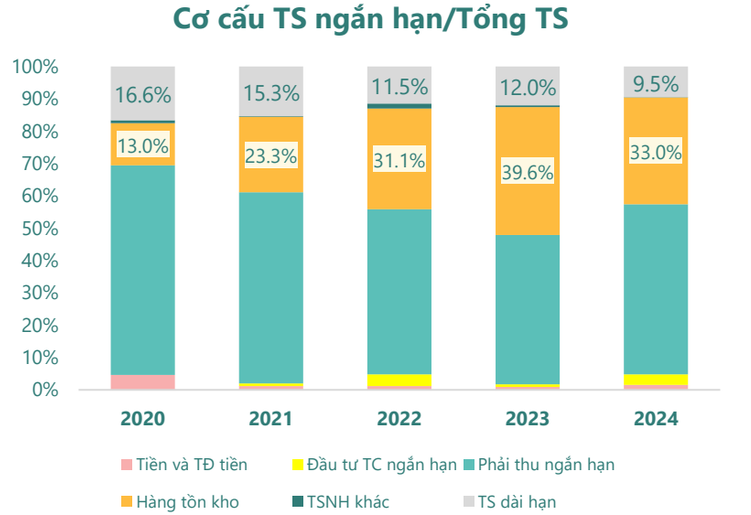
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



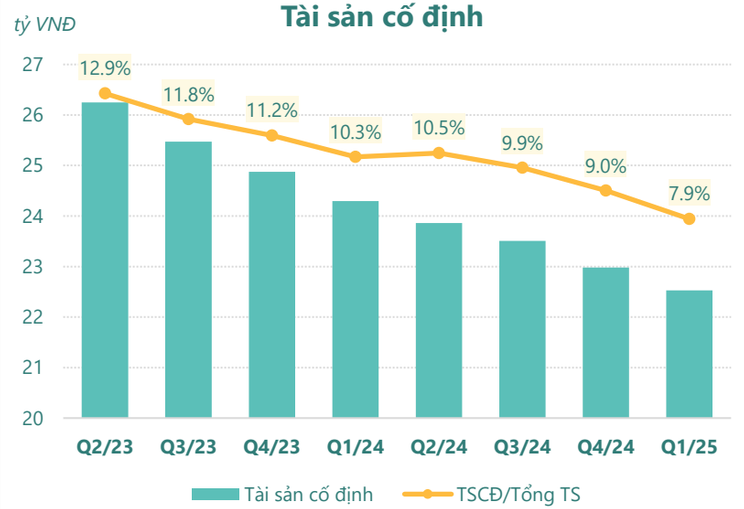
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



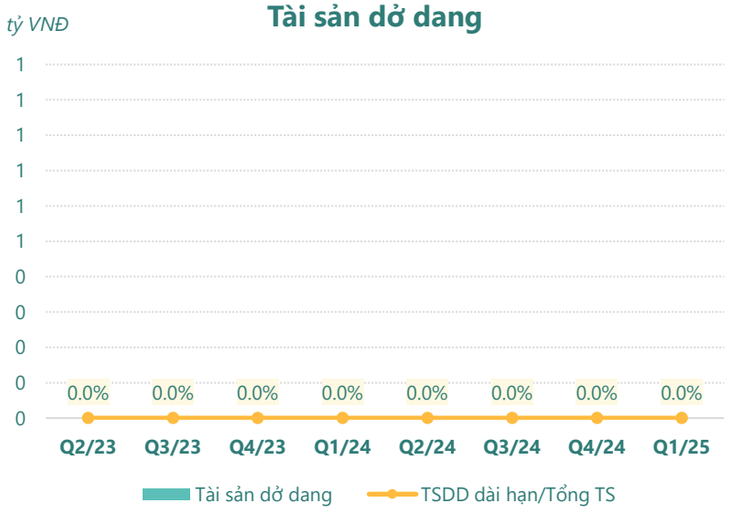
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



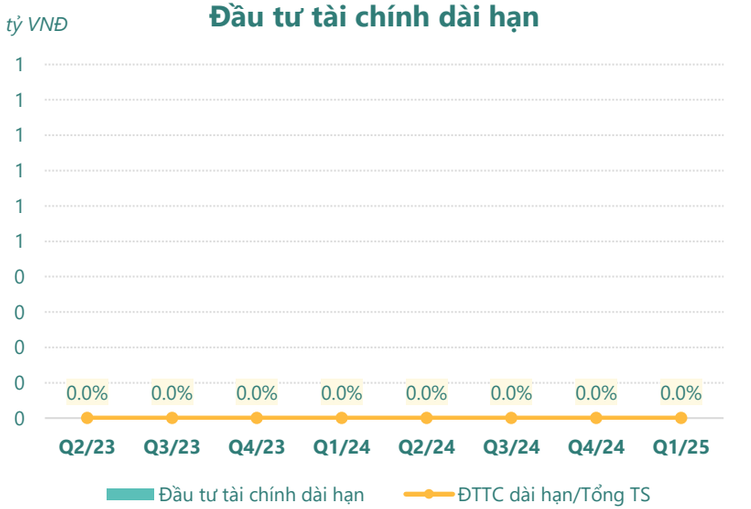
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



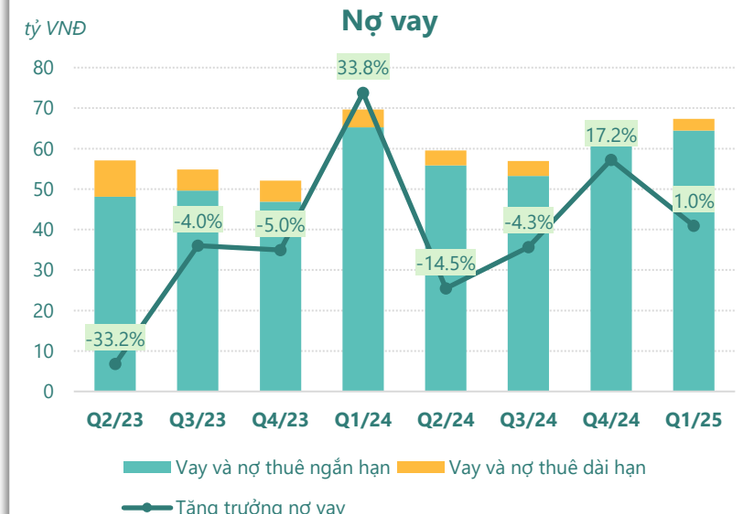
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

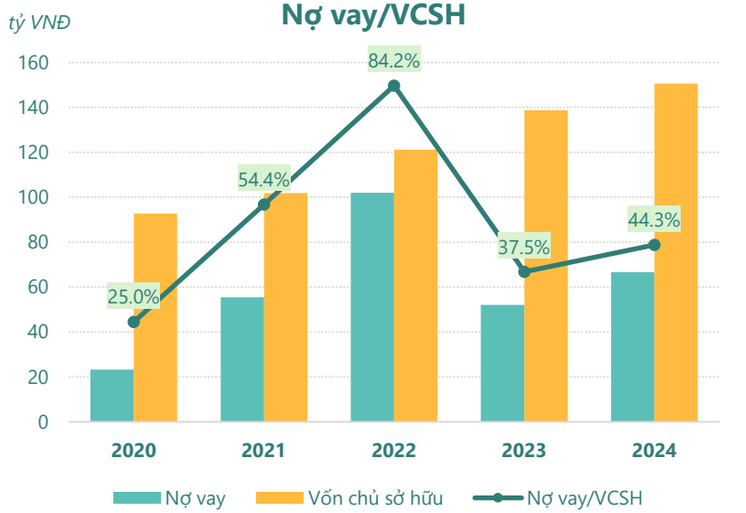
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

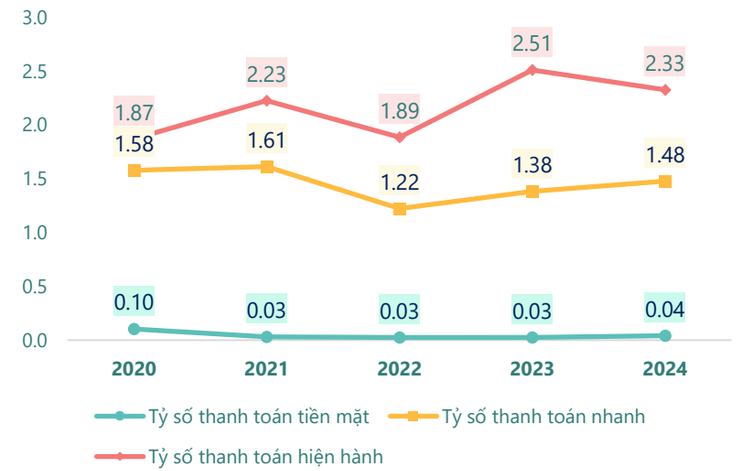
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



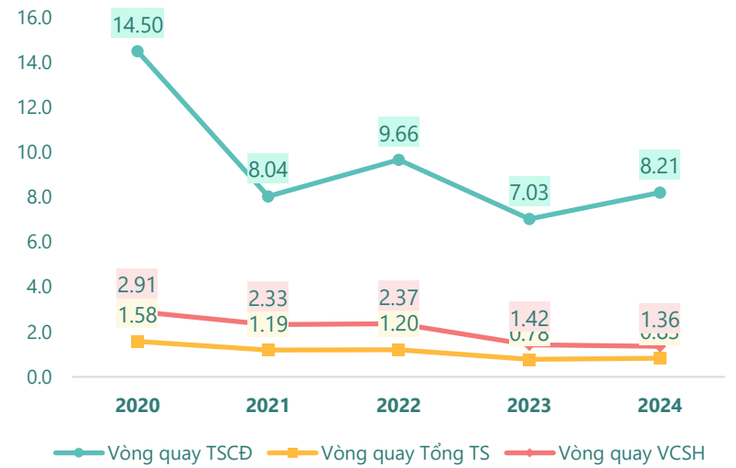
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



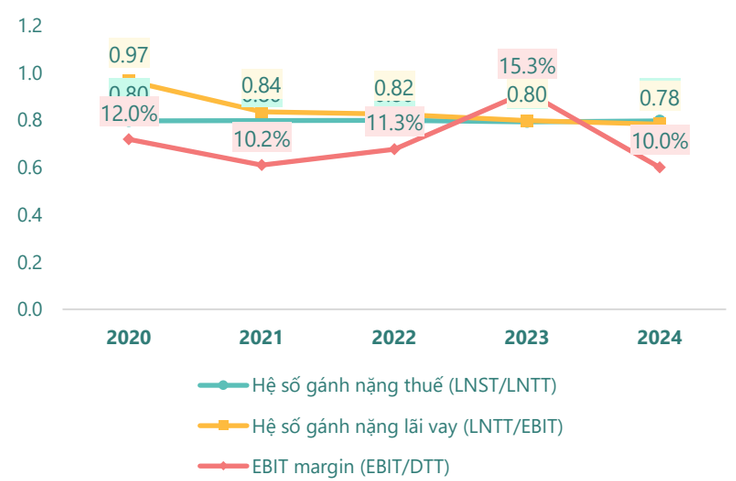
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



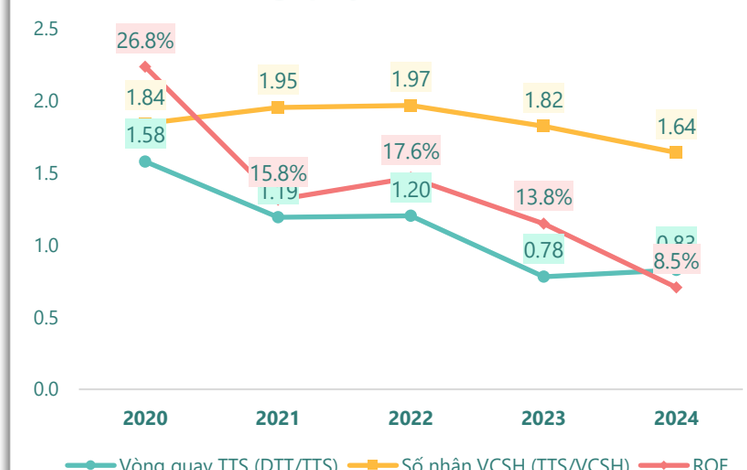
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



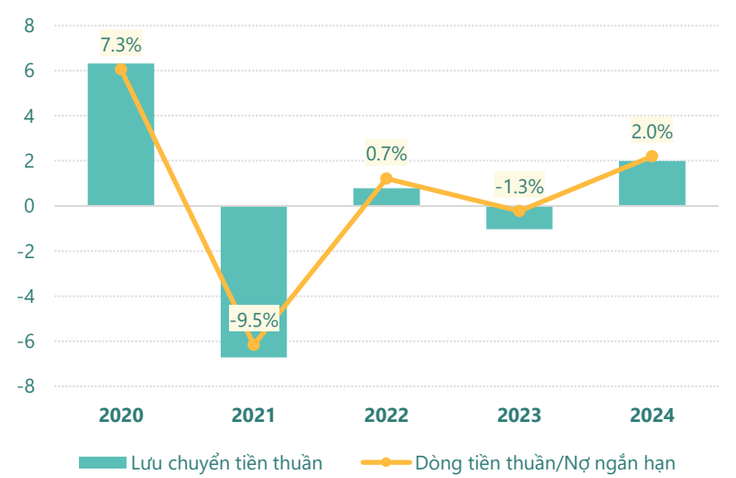
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**65.5**	**39.9**	**64.2%**	**196**	**185**	**6.3%**
Giá vốn hàng bán	60.5	32.7	84.9%	167	147	13.9%
Lợi nhuận gộp	5.05	7.21	-29.9%	29.1	37.8	-23.1%
Doanh thu HĐTC	0.02	0.06	-69.9%	0.23	0.83	-72.0%
Chi phí TC	1.05	1.08	-2.8%	4.45	5.84	-23.8%
Chi phí lãi vay	1.05	1.07	-1.9%	4.26	5.74	-25.7%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.45	0.96	-53.2%	3.31	5.13	-35.5%
Chi phí QLDN	**1.84**	**2.03**	**-9.1%**	**9.84**	**8.76**	**12.3%**
LN thuần từ HĐKD	1.73	3.21	-46.2%	11.7	18.9	-38.0%
Lợi nhuận khác	**1.20**	**0.92**	**30.4%**	**3.63**	**3.63**	**0.0%**
LN trước thuế	2.93	4.13	-29.1%	15.4	22.6	-31.9%
Lợi nhuận sau thuế	**2.34**	**3.30**	**-29.1%**	**12.2**	**17.9**	**-31.5%**
LNST của CĐ cty mẹ	**2.34**	**3.30**	**-29.1%**	**12.2**	**17.9**	**-31.5%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	2.37	-17.1	8.08	3.95	-2.53	-3.49
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1.28	-1.00	1.39	-1.20	-3.07	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-2.76	17.6	-10.1	-2.58	8.64	0.64
Tiền đầu kỳ	1.06	1.96	1.40	0.75	0.92	3.96
Lưu chuyển tiền thuần	**0.90**	**-0.56**	**-0.65**	**0.17**	**3.04**	**-2.85**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.96	1.40	0.75	0.92	3.96	1.11

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**286**	**253**	**13.0%**
Tài sản ngắn hạn	262	229	14.6%
Tiền và tương đương tiền	1.11	3.96	-71.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	8.18	8.18	0.0%
Phải thu ngắn hạn	167	133	25.3%
Hàng tồn kho	86.0	83.5	3.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.37	0.16	136%
Tài sản dài hạn	**23.4**	**24.0**	**-2.4%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	22.5	23.0	-2.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.86**	**0.98**	**-12.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	133	102	30.0%
Nợ ngắn hạn	**129**	**98.3**	**31.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	64.4	63.8	1.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	59.8	27.0	121%
Nợ dài hạn	3.86	3.86	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	2.95	2.95	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**153**	**151**	**1.6%**
Vốn chủ sở hữu	**153**	**151**	**1.6%**
Vốn điều lệ	115	115	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)